

Số: 153/2026/QĐST-HNGĐ

Hung Yên, ngày 07 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 354/2026/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn:** anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1994

Địa chỉ: **thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.**

- **Bị đơn:** chị **Nguyễn Thị Hải A**, sinh năm 1998

Địa chỉ: **thôn B, xã Q, tỉnh Hưng Yên.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107. Điều 110 và Điều 116 - Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh **Nguyễn Văn H** và chị **Nguyễn Thị Hải A**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: anh **Nguyễn Văn H** và chị **Nguyễn Thị Hải A** thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: anh **H** và chị **A** có 01 con chung là **Nguyễn Minh T**, sinh ngày 21/01/2025. Anh **H** và chị **A** thỏa thuận để anh trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Minh T**. Anh **H** có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **A** mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh **H** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

- Về chia tài sản chung: anh **H** và chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: anh **H** tự nguyện nộp cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000 đồng tiền án phí góp cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh **H** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003517 ngày 29/6/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên (anh **H** đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND KV8 - Hưng Yên;
- Phòng THADS KV 8 - Hưng Yên;
- UBND xã Đồng Bằng, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ; HC - TP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Thủy